ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 23 /2018/QĐ-UBND	*Bến Tre, ngày 15 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 2 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương Hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 770/TTr-SCT ngày 07 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 2. Các chính sách ưu đãi đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp

1. Ưu đãi về thuê đất

a) Đơn giá thuê đất

Đối với hình thức nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm: các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được tính tỷ lệ tiền thuê đất bằng không phẩy năm phần trăm (0,5%) nhân với (x) giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng dự án cụ thể và được ổn định năm (05) năm.

b) Các chính sách ưu đãi về đơn giá cho thuê đất đối với hình thức nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê; miễn tiền thuê đất; thời hạn cho thuê đất được thực hiện theo quy định Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và theo quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế

Ưu đãi về chính sách thuế áp dụng theo quy định của các Luật thuế hiện hành.

3. Ưu đãi về đất xây dựng khu dân cư, tái định cư

Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp được tỉnh chấp thuận giao thêm diện tích đất hợp lý để đầu tư xây dựng khu tái định cư, xây dựng nhà ở công nhân và khu chuyên gia phục vụ hậu cần cho cụm công nghiệp.

4. Ưu đãi về hỗ trợ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng

Nhà đầu tư ứng trước chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng cho từng cụm công nghiệp, khu tái định cư và nhà ở công nhân theo dự án đầu tư. Tỉnh sẽ hỗ trợ cho nhà đầu tư trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng như sau:

a) Trường hợp nhà đầu tư được nhà nước cho thuê đất phải nộp tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật (kể cả miễn, giảm một phần), tỉnh sẽ hỗ trợ với mức tối đa bằng ba mươi phần trăm (30%) chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng cho từng cụm công nghiệp, khu tái định cư và nhà ở công nhân theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Phần hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào số tiền thuê đất phải nộp. Trong trường

hợp phần hỗ trợ vượt quá số tiền thuê đất phải nộp thì chỉ được trừ bằng tiền thuê đất phải nộp, số còn lại được tính vào vốn đầu tư của dự án.

b) Trường hợp nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất thuộc đối tượng được miễn toàn bộ tiền thuê đất trong thời gian thuê đất, nhà đầu tư chịu toàn bộ chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và khoản chi phí này được tính vào vốn đầu tư của dự án.

5. Ưu đãi về hạ tầng ngoài hàng rào cụm công nghiệp

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: giao thông, điện, nước, viễn thông ngoài hàng rào cụm công nghiệp được tỉnh đáp ứng theo tiến độ xây dựng của nhà đầu tư.

6. Các ưu đãi khác

a) Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp; Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước tại các cụm công nghiệp theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về khuyến công;

b) Hỗ trợ công tác xúc tiến mời gọi các dự án đầu tư thứ cấp vào cụm công nghiệp. Việc mời gọi các dự án thứ cấp phải đảm bảo theo quy hoạch được duyệt và các điều kiện bảo vệ môi trường trong, ngoài cụm công nghiệp;

c) Hỗ trợ trong việc giới thiệu, tuyển dụng lao động cho các dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp;

d) Được xem xét vay vốn tín dụng đầu tư của nhà nước với mức không quá 70% tổng mức đầu tư và xem xét đầu tư theo hình thức hợp tác công tư.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ: Ngân sách tỉnh, huyện cân đối hàng năm, nguồn kinh phí khuyến công quốc gia, khuyến công tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các dự án đầu tư, xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đang hưởng các ưu đãi theo Quyết định này, nếu nhà nước có thay đổi các chính sách khác có mức ưu đãi cao hơn thì sẽ được hưởng theo chính sách mới đối với thời gian còn lại.

2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành tỉnh, các huyện, thành phố, tổ chức công bố, hướng dẫn và phổ biến Quyết định này cho các doanh nghiệp hiện hữu và các nhà đầu tư tiềm năng; Phối hợp với các ngành hướng dẫn địa phương lập kế hoạch, hồ sơ đề nghị hỗ trợ vốn Trung ương đầu tư xây dựng hạ tầng, quy hoạch chi tiết, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp; đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các sở, ngành tỉnh, các huyện, thành phố: Bố trí vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cho các cụm công nghiệp; Hướng dẫn các nhà đầu tư lập thủ tục, xem xét, tổng hợp trình

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ thuộc ngân sách của tỉnh cho từng cụm công nghiệp; Đăng ký danh mục các cụm công nghiệp xin hỗ trợ vốn từ Trung ương.

4. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, phân bổ nguồn vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp.

5. Cục Thuế phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xác định giá cho thuê đất, phí hạ tầng.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: cân đối ngân sách địa phương để bố trí vốn đầu tư xây dựng hạ tầng trong và ngoài hàng rào cụm công nghiệp; đảm bảo kinh phí cho hoạt động phát triển cụm công nghiệp tại địa phương và quản lý, sử dụng nguồn vốn, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo đúng quy định.

7. Định kỳ hàng năm, Sở Công Thương phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định này và phản ánh những vấn đề phát sinh để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các nhà đầu tư và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2018 và thay thế Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2011 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bến Tre Ban hành chính sách ưu đãi đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre; bãi bỏ nội dung quy định về tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất liên quan đến dự án đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp tại Điều 3 Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tỉ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (thay báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Website tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Trung tâm thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tiếp dân (niêm yết);
- Báo Đồng Khởi; } (đưa tin)
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; } (đưa tin)
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- NC: KT, TCĐT, TH;
- Lưu: VT, LHT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Văn Trọng